TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/DS – ST
Ngày: 19-8-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Lực
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Châu
2. Bà Nông Thị Giới

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thiên Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hùng Phong – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:35/2024/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Minh H, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ HKTT: Tổ 05, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: + Bà Đặng Thị T, sinh năm 1968 (có mặt)

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957.(có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị Thu T2, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 05, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974;

Địa chỉ thường trú: Tổ 03, khu phố P2, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước;

Hiện đang cư trú tại: Tổ 06, ấp P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm sinh năm 1996;

Địa chỉ HKTT: Tổ 10, Khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2023 và bản tự khai ngày 27/3/2024 và tại phiên toà nguyên đơn ông Phạm Minh H trình bày: Vào ngày 10/11/2022, ông Phạm Minh H có cho bà Đặng Thị T, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957 vay số tiền là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), có lập hợp đồng viết tay. Từ ngày vay cho đến nay bà ĐặngThị Tvà ông Nguyễn Văn T1 chưa trả. Nay ông Phạm Minh H khởi kiện yêu cầu Toà án xem xét giải quyết buộc bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Phạm Minh H và bà Đoàn Thị Thu T2 số tiền nợ vay là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi từ ngày 10/11/2022 đến ngày 10/3/2024 số tiền 86.940.000đồng (tám mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng), Tổng cộng số tiền là 786.940.000đồng (bảy trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng) và buộc bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho vợ chồng ông Phạm Minh Hòa và bà Đoàn Thị Thu Thủy số tiền lãi từ ngày 11/3/2024 cho đến khi trả xong nợ, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên toà nguyên đơn ông Phạm Minh H sửa đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể: Yêu cầu Toà án buộc bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Phạm Minh H và bà Đoàn Thị Thu T2 số tiền nợ vay là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi tính từ ngày 26/6/2023 đến ngày 19/8/2024 số tiền 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng), ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án và Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2024 và biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2024 và tại phiên toà bị đơn bà Đặng Thị T trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn ông Phạm Minh H. Vào ngày 10/11/2022, bà Đặng Thị T, sinh năm 1968 và chồng là ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957 có vay của vợ chồng ông Phạm Minh H và bà Đoàn Thị Thu T2 số tiền là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). Sau đó vào ngày 26/6/2023 các bên có lập hợp đồng viết tay có thoả thuận lãi suất hàng tháng là 1.25%/tháng, hẹn thời gian đến ngày 26/12/2023 trả số tiền vay. Hiện nay vợ chồng bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn T1 xác định còn nợ vợ chồng ông Phạm Minh H và bà Đoàn Thị Thu T2 số tiền nợ vay là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi từ ngày 10/11/2022 đến ngày 10/3/2024 số tiền 86.940.000đồng (tám mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng), Tổng cộng còn nợ số tiền là 786.940.000đồng (bảy trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng). Do hoàn cảnh khó khăn nên xin không trả số tiền lãi và xin trả số tiền nợ vay 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) trong vòng 03 năm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Thu T2 trình bày: Bà Đoàn Thị Thu T2 thống nhất như lời trình bày của ông Phạm Minh H. Yêu cầu Toà án buộc bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Phạm Minh H và bà Đoàn Thị Thu T2 số tiền nợ vay là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi tính từ ngày 26/6/2023 đến ngày 19/8/2024 số tiền 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng), ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Minh H, bà Đặng Thị T quen biết với nhau khoảng 20 năm nay, do bà Thân mượn tiền của bà Hằng và mượn tiền cuả ông Hoà. Bà Thân khi mượn tiền ông Hoà có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Thân cho ông Hoà. Khi bà Hằng đi đòi nợ bà Thân thì mới biết ông Hoà có cho bà Thân mượn tiền, ông Hoà nói phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào khác thế chấp cho ông Hoà, ông Hoà mới cho bà Thân lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Thân, đề bà Thân làm thủ tục đi vay Ngân hàng để trả nợ cho ông Hoà và bà Hằng. Cho nên bà Hằng mới đem Giấy chứng nhận nhận quyền sử dụng đất của bà Hằng mới mua của ông Trần Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Tuyết cho bà Thân mượn để thế chấp cho ông Hoà, bà Thuỷ đề làm niềm tin (Cả bà Thân, ông Hoà và bà Hằng đều đồng ý. Giấy chứng nhận nhận quyền sử dụng đất chưa sang tên cho bà Hằng để làm tin trong 02 tháng bà Thân sẽ lấy Giấy chứng nhận nhận quyền sử dụng đất cho bà Hằng). Nay ông Phạm Minh H đã khởi kiện bà Đặng Thị T ra Toà án để giải quyết số nợ giữa ông Phạm Minh H, bà Đặng Thị T. Do đó bà Hằng yêu cầu bà Thân trả lại cho bà Hằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Trần Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Tuyết.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn H tại biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2024 trình bày: Giấy vay mượn tiền ngày 26/6/2023. Thể hiện bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có mượn vợ chồng ông Hoà và bà Thuỷ số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và có mượn của bà Hằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho ông Hoà, bà Thuỷ là chính tay ông H viết và xác định mẹ ông H là bà Đặng Thị T và cha là ông Nguyễn Văn T1 có vay mượn ông Phạm Minh H và bà Đoàn Thị Thu T2 số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân tuân thủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm đồng bị đơn ông Nguyễn Văn T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H và người làm chứng ông Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

- Về nội dung: Vào ngày 10/11/2022, bà Đặng Thị T, sinh năm 1968 và chồng là ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957 có vay mượn của vợ chồng ông Phạm Minh H và bà Đoàn Thị Thu T2 số tiền là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). Hơn nữa bà Đặng Thị T đã thừa nhận có vay của ông Phạm Minh H số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà nguyên đơn ông Phạm Minh H rút một phần tiền lãi chỉ yêu cầu tính

lãi từ ngày 26/6/2023 đến ngày ngày 19/8/2024 là (13 tháng 19 ngày) với số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đó, ông Phạm Minh H yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Bình Long buộc vợ chồng bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Minh H, bà Đoàn Thị Thu T2 tổng số tiền là 770.000.000đồng (bảy trăm bảy mươi triệu đồng). Trong đó số tiền nợ vay là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi tính từ ngày 26/6/2023 đến ngày 19/8/2024 số tiền là 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng) là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Đặng Thị T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Trần Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Tuyết cho bà Hằng. Ngày 30/7/2024 bà Hằng có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết yêu cầu độc lập. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn hiện đang cư trú tại Khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước nên Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước giải quyết là đúng quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Văn T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H và người làm chứng ông Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất nội dung: Vào ngày 10/11/2022, vợ chồng ông Phạm Minh H, bà Đoàn Thị Thu T2 có cho vợ chồng bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn T1 vay số tiền là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), đến ngày 26/6/2023 lập hợp đồng viết tay, có thoả thuận lãi suất hàng tháng là 1.25%/tháng. Từ ngày vay cho đến nay bà ĐặngThị Tvà ông Nguyễn Văn T1 chưa trả cho ông Hoà, bà Thuỷ số tiền vay 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) được các bên đương sự thừa nhận. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng

minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà nguyên đơn ông Phạm Minh H rút một phần tiền lãi chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 26/6/2023 đến ngày xét xử ngày 19/8/2024 là (13 tháng 19 ngày) với số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại biên bản lấy lời khai 08/5/2024 và ngày 16/7/2024, bị đơn bà Đặng Thị T xác định vợ chồng bà còn nợ ông Hoà và bà Thuỷ số tiền vay là 700.000.000đông (bảy trăm triệu đồng). Điều này là phù hợp với lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người chứng kiến (người viết giấy vay tiền) ông Nguyễn Văn H là con của bà Thân và ông Thành.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định bị đơn bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Văn T1 còn nợ ông Phạm Minh H và bà Đoàn Thị Thu T2 số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 26/6/2023 đến ngày 19/8/2024 là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Tổng số tiền là 770.000.000đông (bảy trăm bảy mươi triệu đồng). Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh H có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Đặng Thị T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Trần Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Tuyết cho bà Hằng. Xét thấy: Ngày 30/7/2024 bà Hằng có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập việc rút yêu cầu của họ là hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà Nguyễn Thị H có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về chi phí tố tụng: Không.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Giá trị tài sản là 770.000.000 đông (bảy trăm bảy mươi triệu đồng), Do yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị đơn bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Văn T1 phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm trên số tiền 770.000.000đông (bảy trăm bảy mươi triệu đồng) là: 20.000.000 + 4% 370.000.000đông = 34.800.000 đ (Ba mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tại phiên toà là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92; khoản 1 Điều 147, Điều 217; 244; 271; Điều 273; 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh H.

- Buộc vợ chồng bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Minh H và bà Đoàn Thị Thu T2 tổng số tiền là 770.000.000đông (bảy trăm bảy mươi triệu đồng). Trong đó gồm số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 26/6/2023 đến ngày 19/8/2024 là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được Thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải Thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 700.000.000 đồng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ giải quyết toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

2/ Về án phí:

- Buộc bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Văn T1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 34.800.000 đ (Ba mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông Phạm Minh H số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0002110 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí yêu cầu độc lập 300.000 (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0002203 ngày 22/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Bình Long;
- THADS thị xã Bình Long;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ;

Huỳnh Hoàng Lực

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Hoàng Lực